

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2022

V/v: “L hôn giữa chị L và anh H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Minh

Ông Nguyễn Xuân Nghi

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hằng L – sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Bùi Đình H, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2022 được bổ sung tại bản tự khai ngày 09/11/2022 nguyên đơn chị Trần Thị Hằng L trình bày: Chị và anh Bùi Đình H kết hôn với nhau vào ngày 18/01/2021, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường cãi vã xô, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Dù đã được gia đình 2 bên động viên hòa giải nhưng vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng từ tháng 10/2022 vợ chồng chị đã L thân. Chị xác định vợ chồng có tiếp tục chung sống cũng không có tương lai nên đề nghị được L hôn với anh Bùi Đình H.

Về con chung: Giữa chị và anh Bùi Đình H không có con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/11/2022, bị đơn anh Bùi Đình H trình bày: Anh và chị Trần Thị Hằng L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 18/01/2021. Sau khi kết hôn giữa 2 vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì nhưng do vợ chồng lâu không có con nên dần dần nảy sinh mâu thuẫn. Anh cùng gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng chị L vẫn nhất quyết muốn L hôn; vợ chồng không ở với nhau từ tháng 11/2022. Nay chị Trần Thị Hằng L xin L hôn anh đồng ý.

Về con chung: Giữa anh và chị Trần Thị Hằng L chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với phiên tòa sơ thẩm.

2. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Hằng L; Xử cho L hôn giữa chị Trần Thị Hằng L và anh Bùi Đình H.

2. Về án phí DSST: chị L phải nộp 300.000 đồng án phí L hôn.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Hằng L, anh Bùi Đình H đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Chị Trần Thị Hằng L và anh Bùi Đình H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 18/01/2021; vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, giữa chị L và anh H nảy sinh mâu thuẫn do không có con, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh chị và gia đình 2 bên có động viên hòa giải nhưng không thành, hiện hai vợ chồng L thân, hai bên không gặp gỡ để tìm biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Chị L và anh H đều xác định hôn nhân đã tan vỡ, nay chị L xin L hôn, anh H nhất trí.

[4] Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Hằng L và anh Bùi Đình H với những mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin L hôn anh Bùi Đình H của chị Trần Thị Hằng L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Giữa chị Trần Thị Hằng L và anh Bùi Đình H chưa có con chung.

[6] Về tài sản chung: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Hằng L phải nộp án phí L hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. *Về hôn nhân*: Xử cho L hôn giữa chị Trần Thị Hằng L và anh Bùi Đình H.

2. *Về án phí*: Chị Trần Thị Hằng L phải nộp 300.000 đồng án phí L hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 0004799 ngày 09 tháng 11 năm 2022.

3. *Về quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị Hằng L và anh Bùi Đình H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện N;
- UBND xã H
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

(Đã ký)

Bùi Xuân Thọ